TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2026
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Lê Ngọc Hùng
- Bà Nguyễn Kim Thủy
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà :*** Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2025/HNST ngày 02 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp việc : "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Yến T, sinh năm 1983
Địa chỉ: Căn hộ x, Lô C, chung cư TT TL, khu phố xx, phường ĐHT, Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Châu Hoài T, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Căn hộ x, Lô C, chung cư TT TL, khu phố xx, phường ĐHT, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2025; Bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Yến T trình bày:

Chị Phạm Thị Yến T (gọi tắt là nguyên đơn) và anh Châu Hoài T (gọi tắt là bị đơn) tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường XH (trước đây là phường x, Quận x), Thành phố H vào ngày 06/02/2007.

Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, sự khác biệt về lối sống. Mâu thuẫn kéo dài, hạnh phúc không đạt như mong muốn, chị và anh T đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại về mặt pháp luật, đời sống chung không thể kéo dài do đó chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh T có 02 con chung tên Châu Quỳnh G, sinh ngày 03/01/2008 và Châu Hoài A, sinh ngày 13/12/2015. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 trẻ đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có.

Tòa án đã triệu tập anh Châu Hoài T đến Tòa án để làm bản tự khai tuy nhiên anh T đã không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh T tại địa chỉ Căn hộ x, Lô C, Chung cư TT TL, khu phố xx, phường ĐHT, Thành phố H theo Quyết định yêu cầu cung cấp số 4176/2025/QĐ-CCTLCC ngày 06/11/2025 và trả lời của Công an phường ĐHT, Thành phố H, được biết: "Qua rà soát, anh Châu Hoài T, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại Căn hộ x, Lô C, Chung cư TT TL, khu phố xx, phường ĐHT, Thành phố H. Hiện đang cư trú tại địa chỉ trên"

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án; nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa hôm nay:*

- Chị T có đơn xin vắng mặt và anh vẫn bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Châu Quỳnh G, sinh ngày 03/01/2008 và Châu Hoài A, sinh ngày 13/12/2015. Chị T trực tiếp nuôi 02 trẻ đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có.

- Anh Châu Hoài T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Phạm Thị Yến T ly hôn với anh Châu Hoài T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Châu Quỳnh G, sinh ngày 03/01/2008 và Châu Hoài A, sinh ngày 13/12/2015. Giao cho chị T trực tiếp nuôi 02 trẻ đến khi đủ 18 tuổi và chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung : Không có nên không xem xét.

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Yến T khởi kiện bị đơn anh Châu Hoài T tại địa chỉ Căn hộ x, Lô C, Chung cư TT TL, khu phố xx, phường ĐHT, Thành phố H. Do đó đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. *Về trình tự tố tụng của vụ án* :

- Anh Châu Hoài T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Ngày 05/01/2026, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Về nội dung tranh chấp:*

3.1Về yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân XH (trước đây là phường x, Quận x), Thành phố H cấp ngày 06/02/2007 cho chị T và anh T thì hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chị T yêu cầu ly hôn với anh T vì anh cho rằng giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn và hạnh phúc không đạt như mong muốn. Do đó chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ bản tự khai và đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 30/10/2025, chị T yêu cầu ly hôn với anh T vì chị cho rằng chị và anh T thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không đồng quan điểm trong cuộc sống, hạnh phúc không đạt như mong muốn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Mặt khác chị T và anh T đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

- Căn cứ vào kết quả xác minh theo công văn số 1351/TAKV7 ngày 12/11/2025 của Tòa án nhân dân quận khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh và trả

lời xác minh theo công văn số 1925/UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐHT, Thành phố H được biết: "Thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh T, Ủy ban nhân dân phường không rõ. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ sau khi ly hôn Uỷ ban nhân dân phường không rõ".

- Tòa án mời anh T đến Tòa án để làm bản tự khai và hòa giải nhưng anh T không đến và cũng không tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn gia đình.

- Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Chị T và anh T hiện nay đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Mặt khác anh T không đến Tòa hòa giải để hòa giải đoàn tụ gia đình mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục để giải quyết mâu thuẫn, dẫn đến ngày càng gay gắt hơn. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T không thể cùng nhau chung sống hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì "Tòa án giải quyết cho ly hôn …nếu có căn cứ về việc vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng …mục đích hôn nhân không đạt được…" do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T.

3.2 Xét về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Châu Quỳnh G, sinh ngày 03/01/2008 và Châu Hoài A, sinh ngày 13/12/2015. Chị T trực tiếp nuôi 02 trẻ đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu chị T là người trực tiếp nuôi trẻ G và trẻ A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 07/11/2025, Tòa án ra quyết định số 4213/2025/QĐ-CCTLCC yêu cầu chị T cung cấp chứng cứ nuôi con tốt nhất. Chị T cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh cho việc chị T nuôi dưỡng 02 trẻ G và A đó là chị T có công ăn việc làm hiện đang là thủ quỹ tại Công ty TNHH MTV TM-DV HN với mức lương khoảng 15.900.000 đồng/ tháng; Chị T cũng có chỗ ở hợp pháp là căn hộ số 5.06, Lô C, chung cư TT TL, khu phố xx, phường ĐHT, Thành phố H chị chuyển nhượng theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 026/GN3-2015/HĐMBCH-TECCO ngày 01/08/2025 và giấy xác nhận số căn hộ số 157/GXN-TECCO.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi, về mọi mặt của con. Do anh T không đến Tòa

án nên Tòa án không ghi nhận được việc anh T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Giang và trẻ An hay không.

-Từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ G và trẻ A là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho 02 trẻ phát triển bình thường và phù hợp với quy định tại tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ tên Châu Quỳnh G, sinh ngày 03/01/2008 và Châu Hoài A, sinh ngày 13/12/2015 để bảo đảm cho 02 trẻ phát triển tốt nhất.

3.3 Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.4 Về tài sản chung, nợ chung:

- Căn cứ đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 30/10/2025, chị T tự khai về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Anh T không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai của anh T về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân do đó sau này nếu anh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân anh T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3.5 Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, đối với vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0022147 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, do đó chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7,Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228;

Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Yến T và anh Châu Hoài T.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân XH (trước đây là phường x, Quận x), Thành phố H cấp ngày 06/02/2007 cho chị T và anh T hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Châu Quỳnh G, sinh ngày 03/01/2008 và Châu Hoài A, sinh ngày 13/12/2015. Chị T trực tiếp nuôi 02 trẻ đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

-Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung : Không có.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị T chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0022147 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, do đó chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo :

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân KV7, TPHCM;
- THADS-TPHCM;
- UBND phường Xuân Hòa, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn